

# **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI DEVELOP VIỆT NAM**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI DEVELOP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DEVELOP VIET NAM INDUSTRIAL AND COMMERCIAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DEVELOP VIET NAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108179962

**3. Ngày thành lập:** 12/03/2018

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 16, Tổ dân phố số 10, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437970302

Fax:

Email: *Develop.vnv@gmail.com*

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                         | <b>Mã ngành</b> |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                           | 2710            |
| 2.         | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                   | 2720            |
| 3.         | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                             | 2592(Chính)     |
| 4.         | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                  | 3320            |
| 5.         | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                     | 4641            |
| 6.         | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(Trừ hoá chất Nhà nước cấm)                                                  | 2011            |
| 7.         | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                     | 2013            |
| 8.         | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                             | 2220            |
| 9.         | Đúc sắt, thép                                                                                            | 2431            |
| 10.        | Đúc kim loại màu                                                                                         | 2432            |
| 11.        | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                           | 2511            |
| 12.        | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ kinh doanh bất động sản)                                             | 5210            |
| 13.        | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa; | 5229            |
| 14.        | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                      | 4662            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn cao su;<br>- Bán buôn sợi dệt...;                                                                                                                                                                                                                                                         | 4669 |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4711 |
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4722 |
| 19. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4741 |
| 20. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4742 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Đồ ngũ kim;<br>- Sơn, véc ni và sơn bóng;<br>- Kính phẳng;<br>- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh;<br>- Thiết bị và vật liệu để tự làm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4752 |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4753 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán lẻ đèn và bộ đèn;<br>- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thuỷ tinh;<br>- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;<br>- Bán lẻ thiết bị gia dụng;<br>- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; | 4759 |
| 24. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4772 |
| 25. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2930 |
| 26. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312 |
| 27. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3313 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329 |
| 30. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4520 |
| 31. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4530 |
| 32. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4542 |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                  | 4659 |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4931 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |
| 37. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về môi trường<br>- Tư vấn về công nghệ<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                   | 7490 |
| 38. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3314 |
| 39. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321 |
| 40. | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đấu giá mô tô, xe máy)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4541 |
| 41. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)                                                                                                                                                                                                                                          | 4543 |
| 42. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: - Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610 |
| 43. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649 |
| 44. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651 |
| 45. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác;<br>- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...                                                                                                                               | 4773 |
| 47. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 48. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410 |

|     |                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------|
| 49. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 |
| 50. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                           | 4653 |
| 51. | Cho thuê xe có động cơ                                                           | 7710 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.700.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRIỆU VĂN TÌNH  | Thôn Mỏ Ám, Xã Đồng Tiến, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam                    | 1.615.000.000         | 95,000    | 081024529                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN HIỆU | Thôn 05, Xã Thọ Diên, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                       | 85.000.000            | 5,000     | 038086000975                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HIỆU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038086000975

Ngày cấp: 17/05/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 05, Xã Thọ Diên, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 05, Xã Thọ Diên, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội